
Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2018
*Tranh chấp V/v ly hôn và nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Thế Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô V

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhuận- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1977; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Kiều Đ; Văn phòng luật sư Đ - Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: xx H, thành phố H, tỉnh Hải Dương – Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1973; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/01/2018, biên bản lấy lời khai, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Hà Thị H trình bày:

Về yêu cầu ly hôn anh Trần Văn Q: Chị và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 04/01/2000. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng thời gian gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm đối với hầu hết những vấn đề liên quan đến đời sống chung; anh thường hay ghen tuông mù quáng, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, thậm trí còn nhiều lần đánh đập chị và không có ý thức cùng chị xây dựng gia đình hòa thuận, ấm no và hạnh phúc. Chị đã cố gắng nhẫn nại chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng quyết liệt hơn. Tuy vẫn sống chung một nhà nhưng, đã gần một năm nay vợ chồng ly thân, không quan hệ tình cảm, không quan tâm chăm sóc đối với nhau. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không có tình nghĩa, cả hai vợ chồng đều không thực hiện được bổn phận của mình và mâu thuẫn đã ở mức quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài thêm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Q.

Về yêu cầu phân định quyền nuôi con chung sau khi ly hôn: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 27/01/2003 và Trần Đức A, sinh ngày 28/7/2007. Khi anh chị ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;

Về yêu cầu phân chia tài sản khi ly hôn: Khi khởi kiện và trong quá trình giải quyết ban đầu, chị yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng, sau đó đã rút yêu cầu này và đã được Tòa án đình chỉ theo quyết định số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2018.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn - anh Trần Văn Q trình bày:

Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh xác định việc kết hôn với chị H trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã K chứng nhận kết hôn ngày 04/01/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 tháng đầu, sau đó hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không chung thủy, đã nhiều lần anh và gia đình khuyên giải, cảnh báo, nhưng chị H không rút kinh nghiệm nhưng vì con cái vợ chồng vẫn sống trong tình trạng mâu thuẫn như vậy đến cuối năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng đến đỉnh điểm, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh xác định, vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 27/01/2003 và Trần Đức A, sinh ngày 28/7/2007. Hiện nay hai con đang ở với chị H. Quan điểm của anh xin trực tiếp nuôi cả hai con và tự

nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con vì anh là thợ sửa chữa xe máy tại xã K, thu nhập đủ để nuôi các con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh Q nhất trí ly hôn, chị H và anh Q đều xin nuôi cả hai con sau khi ly hôn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của chị H vắng mặt, có gửi bản luận cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của Nguyên đơn – chị H, nội dung tóm tắt: Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị HĐXX giải quyết cho chị H được ly hôn anh Q; về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu A1, giao cho anh Q trực tiếp nuôi cháu A.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao cháu A cho anh Q, giao cháu A1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung cho ai; về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu và đã được đình chỉ trước khi quyết định xét xử vụ án này nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng*: Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Kim Thành, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] *Về yêu cầu xin ly hôn*: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K ngày 04/01/2000 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ sự thừa nhận, chứng cứ mà các bên đương sự đã cung cấp, lời khai của các cháu A, cháu A1 là đủ cơ sở xác định tình trạng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay, nguyên nhân xuất phát từ việc ghen tuông, không tin tưởng, từ đó dẫn đến xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của nhau. Đồng thời

vợ chồng đều không có ý thức xây dựng gia đình hòa thuận, âm no và hạnh phúc. Mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng quyết liệt hơn, tuy vẫn sống chung một nhà nhưng, đã gần một năm nay vợ chồng sống ly thân, không quan hệ tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Các video clip do anh Q cung cấp tuy chưa đủ giá trị chứng minh việc chị H ngoại tình, ngược đãi con cái nhưng đã thể hiện rõ việc vợ chồng luôn nghi ngờ sự chung thủy của nhau và không còn tình cảm yêu thương vợ chồng. Như vậy, là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung, chị H và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng anh chị đều có khả năng nuôi con, các con cũng đã đủ tuổi luật định để thể hiện nguyện vọng của mình xin ở với mẹ. Về trách nhiệm nuôi dưỡng của vợ chồng là ngang nhau, không ai hơn ai, không ai bị hạn chế quyền nuôi dưỡng theo quyết định của Tòa cho đến thời điểm hiện tại. Để đảm bảo san sẻ công bằng trong việc nuôi dưỡng, đảm bảo tốt cho cuộc sống các con, đồng thời xác định trách nhiệm của bố mẹ với các con sau khi đã ly hôn, Tòa án phân định mỗi người nuôi một con là phù hợp quy định của pháp luật. Con nhỏ năm nay đã 10 tuổi sẽ cần có sự chăm sóc của mẹ hơn so với con lớn năm nay đã 15 tuổi và hiện đang sống với mẹ. Tại phiên tòa cháu A thay đổi đề nghị được ở với bố vì cháu muốn em nhỏ tuổi hơn được có sự chăm sóc của mẹ nên cần giữ nguyên việc chị H trực tiếp nuôi con nhỏ là Trần Đức A, sinh ngày 28/7/2007 như hiện nay, để anh Q trực tiếp nuôi con lớn Trần Ngọc A, sinh ngày 27/01/2003 là phù hợp.

[5] *Về tài sản, công nợ chung*: Anh không yêu cầu, chị có yêu cầu nhưng đã tự nguyện rút và đã được đình chỉ theo quyết định số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2018, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị H là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân và Gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Tuyên xử về tình cảm vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị H. Xử cho chị Hà Thị H ly hôn anh Trần Văn Q.

3. Về con chung: Xử giao cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 27/01/2003 cho anh Trần Văn Q, giao cháu Trần Đức A, sinh ngày 28/7/2007 cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A, cháu A1 trưởng thành – đủ 18 tuổi. Chị H, anh Q không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2016/0000715 ngày 23/01/2018, chị H đã nộp xong án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Noinhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hưng